

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LẠM PHÁT

### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ LẠM PHÁT

#### 1.1.1 Các quan điểm về lạm phát

Lạm phát là một hiện tượng phổ biến và thường xuyên trong các quốc gia thực hiện chế độ lưu thông tiền giấy hiện nay. Khi nói đến lạm phát người ta nghĩ ngay đến sự gia tăng liên tục của mức giá chung trong nền kinh tế. Điều này đồng nghĩa với việc suy giảm quá đáng trong sức mua của đồng tiền của một quốc gia. Sức mua của một đồng tiền được đo lường bởi sự biến đổi nghịch đảo của vật giá chung. Nếu sức mua của vật giá chung gia tăng thì sức mua của đồng tiền giảm và ngược lại mức vật giá giảm thì sức mua của đồng tiền tăng. Hay có thể hiểu rằng lạm phát là việc phát hành thừa tiền giấy vào lưu thông, làm cho tiền giấy bị mất giá, giá cả hàng hoá tăng lên, thu nhập quốc dân bị phân phối lại gây thiệt hại đến toàn bộ đời sống kinh tế – xã hội. Vậy đâu chính là nguyên nhân của lạm phát.

Có thể giải thích nguyên nhân của lạm phát dựa trên giác độ mối quan hệ cung cầu, tức mức giá chung tăng khi tổng cung giảm hoặc tổng cầu tăng. Tổng cung giảm có thể là do các cú sốc bất lợi về phía cung như giá của các yếu tố sản xuất tăng, cung lao động giảm. Tổng cầu tăng có thể là do tăng chi tiêu của chính phủ, giảm thuế hay do tăng cung tiền. Tổng cung giảm hay tổng cầu tăng liên tục sẽ làm cho giá cả không ngừng tăng lên và lạm phát xảy ra.

Đa số các nhà kinh tế có cùng một quan điểm như trên về lạm phát, nhưng tùy theo từng giai đoạn lịch sử và giác độ nghiên cứu khác nhau, giữa họ cũng có những quan điểm khác nhau về nguyên nhân gây ra lạm phát cũng như cách thức để chống lạm phát. Trong đó, đáng chú ý nhất là quan điểm của các nhà kinh tế theo hai trường phái: phái trọng tiền và phái Keynes.

##### *1.1.1.1 Quan điểm của phái trọng tiền*

Vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các nhà kinh tế cổ điển (điển hình là nhà kinh tế Mỹ Irving Fisher) đã đề xướng ra học thuyết số lượng tiền tệ, theo đó, giữa tổng chi tiêu để mua hàng hoá, dịch vụ được sản xuất ra trong nền kinh tế là PY (trong đó P là mức giá cả, Y là tổng sản phẩm) và lượng tiền tệ M có mối quan hệ với nhau, và được biểu hiện bằng tốc độ chu chuyển của tiền tệ V. Cách tính tốc độ chu chuyển V là bằng tổng chi tiêu, chia cho lượng tiền tệ ( $V=PY/M$ ). Dựa vào công thức này, các nhà kinh tế đã đưa ra một phương trình trao đổi  $MV=PY$ . Với lập luận rằng, trong thời gian

## **CHƯƠNG 2: LẠM PHÁT VÀ VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA**

Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành chỉ thị 100/CT về công tác mở rộng và khoán sản phẩm đến người lao động. Song song đó, Chính phủ cũng đã ban hành quyết định số 25/CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Đó là các biện pháp mà Việt Nam đã sử dụng để quản lý nền kinh tế mà cụ thể là tình trạng giá cả leo thang trong giai đoạn đầu sau khi chiến tranh chấm dứt, đất nước hoàn toàn thống nhất, nhưng đời sống kinh tế xã hội của Việt Nam phải đương đầu với muôn vàn khó khăn: những hậu quả kinh tế xã hội nặng nề sau chiến tranh, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và cải tạo nông nghiệp ở miền Nam đã khiến cho năng lực sản xuất của nền kinh tế bị giảm sút, chiến tranh liên tiếp xảy ra ở biên giới phía Bắc và phía Nam buộc Nhà nước phải huy động tất cả các nguồn lực để đảm bảo an ninh quốc phòng, và thêm vào đó sự cấm vận bao vây kinh tế của Mỹ và các nước phương Tây...

Thành công của chính sách này là cho phép người nông dân sử dụng có hiệu quả toàn bộ phần đất nhận khoán của mình và góp phần làm cho sản lượng lương thực tăng từ 14,4 triệu tấn năm 1980 lên 15 triệu tấn năm 1981.

Tuy nhiên, do vẫn tồn tại cơ chế quản lý kế hoạch tập trung nên những chính sách cải cách trên chưa thể giúp Việt Nam thoát khỏi khó khăn, nền kinh tế vẫn đang trong tình trạng thiếu hụt. Tình hình càng tồi tệ hơn khi cuộc cải cách giá - lương - tiền trong năm 1985 bị thất bại, khiến cho giá cả hàng hoá càng leo thang dữ dội, đẩy nền kinh tế rơi vào vòng xoáy siêu lạm phát và đạt tới đỉnh điểm vào năm 1986 lên tới 774,7%.

### **2.1 LẠM PHÁT VÀ KIỂM SOÁT LẠM PHÁT GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2000 TRỞ VỀ TRƯỚC**

#### **2.1.1 Siêu lạm phát – giai đoạn từ 1986 đến 1991**

##### ***2.1.1.1 Tình hình lạm phát và kiểm soát lạm phát***

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) được coi là điểm mốc của công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Rút kinh nghiệm những sai lầm trong quản lý kinh tế những năm trước, Đại hội đã quyết định đổi mới triệt để cơ chế quản lý kinh tế với những nội dung cơ bản như: phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; chuyển đổi nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; thực

## **CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LẠM PHÁT**

#### **3.1.1 Quan điểm và mục tiêu về kiểm soát lạm phát ở Việt Nam**

##### ***3.1.1.1 Quan điểm chung về kiểm soát lạm phát***

Khi nói đến lạm phát, mọi người đều nghĩ ngay đến sự tăng lên liên tục của giá cả trong thời gian dài, đó là điều không thể tránh khỏi trong nền kinh tế xét trên giác độ vĩ mô cũng như vi mô. Trong nền kinh tế đó, không có một quốc gia nào, không có một chính phủ nào có thể loại bỏ được lạm phát ra khỏi nền kinh tế. Hiện tượng kinh tế trái ngược với lạm phát là giảm phát, tức giá cả xuống thấp, chỉ xảy ra tạm thời mà thôi, đến một lúc nào đó giá cả sẽ tăng trở lại và lạm phát lại xuất hiện. Vậy thì, vấn đề đặt ra ở đây là giảm phát hay lạm phát tốt hơn.

Nếu xét trong dài hạn, giảm phát xảy ra sẽ có lợi cho người tiêu dùng nhưng lại bất lợi cho doanh nghiệp, dẫn đến sản xuất bị sụt giảm, thất nghiệp gia tăng, nền kinh tế sẽ đi xuống, đời sống của người dân sẽ gặp khó khăn. Còn lạm phát xảy ra, tuy gây ra bất lợi cho người tiêu dùng nhưng lại có lợi cho doanh nghiệp, do đó sẽ kích thích sản xuất phát triển, tăng việc làm, tăng thu nhập và kết quả là nền kinh tế sẽ phát triển, đời sống của người dân sẽ tăng lên. Do vậy, việc duy trì nền kinh tế ở trạng thái lạm phát là tốt hơn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, lạm phát cũng có tính hai mặt của nó, đó là, lạm phát có thể tác động tích cực hoặc gây ra những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Những tác động này nhiều hay ít là tùy vào mức độ lạm phát xảy ra như thế nào. Như đã phân tích ở phần lý luận, nói chung khi lạm phát xảy ra ở mức độ thấp và ổn định thì sẽ có tác động tích cực đối với nền kinh tế. Vì thế, mục tiêu đặt ra cho việc kiểm soát lạm phát ở mỗi quốc gia là phải cố gắng ổn định lạm phát ở mức thấp. Vậy cần xác định với một mức độ lạm phát được xem là thấp mà vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế.

Tùy vào đặc điểm kinh tế của mỗi quốc gia, các chính phủ sẽ lựa chọn một mức hay "nhóm" mức lạm phát sao cho phù hợp nhất đối với sự phát triển kinh tế của quốc gia đó. Ở nhiều nước trên thế giới hiện nay, đặc biệt là các nước đã phát triển, mục tiêu đặt ra cho việc kiểm soát lạm phát là phải ổn định giá cả, tức duy trì mức lạm phát từ 1% đến 3%. Với mục tiêu